

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Dũ

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2018/QĐST-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018.

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã căn cứ vào Điều g Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi làm lộ nông thôn”, giữa:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị D2, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại đơn kháng cáo ngày 27 tháng 11 năm 2018, người khởi kiện ông Huỳnh Văn D và bà Bùi Thị D2 cùng kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2018/QĐST-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, với lý do vợ chồng ông khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi làm lộ nông thôn đối với Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã A là còn trong thời hạn, vì công văn ban hành năm 2009 nhưng không có triển khai cho vợ chồng ông bà vào thời điểm đó, đến năm 2016 vợ chồng ông bà mới nhận được và vợ chồng ông bà cũng không có ký nhận công văn, do đó theo quy định công văn có hiệu lực kể từ ngày nhận để tính thời gian, thời hiệu giải quyết vụ án hành chính.

XÉT THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 6/8/2018, ông Huỳnh Văn D và bà Bùi Thị D2 trình bày vào năm 1997, Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã A), huyện C làm lộ nông thôn qua phần đất của ông tại ấp P, xã T (nay là xã A), huyện C gây thiệt hại cho ông nhưng do vợ chồng ông bận đi làm ăn xa. Đến năm 1999, ông gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L nhưng Ủy ban nhân dân huyện chuyển đơn của ông về Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã A) nhưng Ủy ban nhân dân xã cũng không giải quyết cho gia đình ông. Năm 2009, vợ chồng ông khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C nhưng Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã A giải quyết, nhưng Ủy ban nhân dân xã không giải quyết mà có Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 với nội dung cho rằng việc ông bà khiếu nại là không có cơ sở, việc xây dựng tuyến lộ giao thông nông thôn từ đầu Cồn L đến đuôi Cồn L không có làm thiệt hại đến đất đai, hoa màu và các tài sản khác của vợ chồng ông bà. Vợ chồng ông bà đã nhận được Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 trên của Ủy ban nhân dân xã A cách ngày ban hành khoảng 01 tháng, đến năm 2014 vợ chồng ông bà tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhưng cũng không được giải quyết (bút lục số 01).

Tại biên bản lấy lời khai đương sự tại Tòa án nhân dân huyện C các ngày 5/10/2018, ngày 29/11/2018 người khởi kiện bà Bùi Thị D2 khẳng định bà nhận được Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 trên của Ủy ban nhân dân xã A cách ngày ban hành khoảng 01 tháng, tức là nhận khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 2009, tuy nhiên do bà ở trên Thành phố Hồ Chí Minh điều kiện kinh tế khó khăn nên ít có điều kiện để đi lại yêu cầu giải quyết, đến năm 2014 bà mới tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, việc khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng là gửi qua đường bưu điện nên đã thất lạc giấy tờ, đến tháng 6-7/2018 thì vợ chồng bà mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C, bà khiếu nại là do bà không biết là luật quy định có thời hạn để xem xét (bút lục số 119-120, 133).

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10/10/2018 tại Tòa án nhân dân huyện C, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã A trình bày sau khi Ủy ban nhân dân xã A ban hành Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 thì Ủy ban nhân dân xã chuyển công văn trên đến Tổ 01 của Ủy ban nhân dân huyện C để báo cáo về kết quả giải quyết khiếu nại theo yêu cầu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện C. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện C sẽ gửi và trả lời cho bà Bùi Thị D2 biết. Sau khi Ủy ban nhân dân xã A ban hành Công văn số 08-CV/UBND trên thì cho đến ngày 28/8/2018 Ủy ban nhân dân xã A mới nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện C về việc bà D2, ông D khởi kiện Ủy ban nhân dân xã A tại Tòa án. Trong thời gian từ ngày 29/9/2009 đến trước ngày 28/8/2018 thì Ủy ban nhân dân xã A không có nhận bất cứ văn bản nào về việc vợ chồng bà D2 khiếu nại đối với Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, cũng như Ủy ban nhân dân xã A cũng không có nhận được văn bản nào của bà D2 về việc xem xét bồi thường thiệt hại như trong đơn khởi kiện của vợ chồng bà yêu cầu, Ủy ban nhân dân xã A cũng không có nhận được văn bản từ Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chỉ đạo giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu của vợ chồng bà D2. Việc bà D2, ông D yêu cầu hủy Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã A thì Ủy ban nhân dân xã A yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, do vợ chồng ông D, bà

D2 đã nhận được Công văn số 08-CV/UBND vào tháng 10-11/2009 nhưng đến tháng 8/2018 mới khởi kiện tại Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện (bút lục số 11-12).

Nhận thấy, chính người khởi kiện ông Huỳnh Văn D và bà Bùi Thị D2 đã thừa nhận là đã nhận được Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã A cách ngày ban hành công văn khoảng 01 tháng, tức là nhận khoảng tháng 10-11 năm 2009, tuy nhiên, ông bà cho rằng do vợ chồng ông bà ở trên Thành phố Hồ Chí Minh điều kiện kinh tế khó khăn nên ít có điều kiện để đi lại yêu cầu giải quyết, đến năm 2014 thì ông bà mới làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và đến tháng 8/2018 thì ông bà mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C.

Xét thấy, việc vợ chồng ông D, bà D2 cho rằng do vợ chồng ông bà ở trên Thành phố Hồ Chí Minh điều kiện kinh tế khó khăn nên ít có điều kiện để đi lại yêu cầu giải quyết không phải là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho ông bà không khởi kiện được trong thời hạn luật định. Ngoài ra, ông D và bà D2 cũng không chứng minh được có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho vợ chồng ông bà không khởi kiện được trong thời hạn luật định. Hơn nữa, bà D2 đã thừa nhận Ủy ban nhân dân xã A có giao Công văn số 08-CV/UBND ngày 29/9/2009 nhưng ông bà không ký nhận, là hết thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Như vậy, thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2018/QĐST-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của vợ chồng ông D, bà D2 là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn D và bà Bùi Thị D2.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2018/QĐST-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số: 01/2018/TLST-HC ngày 28/8/2018, về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi làm lộ nông thôn”, giữa:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị D2, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1 Về quyền khởi kiện: *Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.*

2.2 Về tiền tạm ứng án phí: Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn D và bà Bùi Thị D2 số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) mà bà D2 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000591 ngày 28/8/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm ông Huỳnh Văn D và bà Bùi Thị D2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000647 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy ông D, bà D2 đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND huyện C;
- VKSND.TST;
- THADS huyện C;
- UBND huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ